

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ MỸ HÀO
TỈNH HƯNG YÊN**

Bản án số: 45/2021/HS-ST

Ngày: 23/9/2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO - TỈNH HƯNG YÊN**

Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Lâm

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng- Thư ký TAND Thị xã Mỹ Hào.

Đại diện VKSND thị xã tham gia phiên tòa: Ông Bùi Kim Trung - KSV.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự theo thủ tục rút gọn thụ lý số: 48/2021/TLST-HS ngày 14/9/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST- HS ngày 16/9/2021 đối với các bị cáo:

1/ **Vũ Đình C**, sinh năm 1993 Giới tính: Nam

Trú tại: Thôn L X, xã D Q, thị xã M H, tỉnh H Y.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do Chức vụ: Không Trình độ học vấn: 09/12

Họ và tên bố: Vũ Đình T, sinh năm 1964.

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1964.

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 26/02/2021 bị UBND xã D Q, thị xã M H xử phạt hành chính về hành vi “đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/9/2021. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã M H, tỉnh H Y, có mặt tại phiên tòa.

2/ **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1990 Giới tính: Nam

Trú tại: Thôn D X, xã D Q, thị xã M H, tỉnh H Y.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do Chức vụ: Không Trình độ học vấn: 09/12

Họ và tên bố: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1969.

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1971.

Vợ: Nguyễn Nhật L1, sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

3/Nguyễn Văn Th, sinh năm 1996 Giới tính: Nam

Trú tại: Thôn B B, xã D Q, thị xã M H, tỉnh H Y.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do Chức vụ: Không Trình độ học vấn: 12/12

Họ và tên bố: Nguyễn Văn B, sinh năm 1972.

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974.

Vợ: Bùi Thị Ngọc B1, sinh năm 1997.

Bị cáo có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

4/Nguyễn Văn S, sinh năm 1998 Giới tính: Nam

Trú tại: Thôn B B, xã D Q, thị xã M H, tỉnh H Y.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do Chức vụ: Không Trình độ học vấn: 09/12

Họ và tên bố: Nguyễn Văn S1, sinh năm 1969.

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1972.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

5/Nguyễn Văn T1, sinh năm 1975 Giới tính: Nam

Trú tại: Thôn B B, xã D Q, thị xã M H, tỉnh H Y.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Nhân viên bảo vệ UBND xã D Q, thị xã M H; Chức vụ: Không

Trình độ học vấn: 06/12

Họ và tên bố: Nguyễn Văn L2 (đã chết).

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1949.

Vợ: Đào Thị Hồng Th2, sinh năm 1980.

Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền và lợi ích liên quan:**

1/Chị: Đào Thị Hồng Th2, sinh năm 1980.

Trú tại: Thôn B B, xã D Q, thị xã M H, tỉnh H Y.

Vắng mặt tại phiên tòa.

***Người làm chứng:**

Anh: Nguyễn Văn V, Sinh năm 1998 (có mặt).

Trú tại: Thôn B B, xã D Q, thị xã M H, tỉnh H Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 04/9/2021, Vũ Đình C, sinh năm 1993 ở thôn L X; Nguyễn Văn M ở thôn D X, xã D Q, thị xã M H, tỉnh H Y; Nguyễn Văn S, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn Th, sinh năm 1996 đều ở thôn B B đến nhà anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1998 ở thôn B B, xã D Q, thị xã M H chơi. Tất cả ngồi uống nước tại nhà anh V được một lúc thì anh V đi làm việc. Lúc này, M rủ S, Th và C đánh bạc ăn tiền thì tất cả đồng ý. Sau đó, C bảo tất cả sang nhà Nguyễn Văn T1, sinh năm 1975 ở thôn B B, xã D Q để chơi đánh bạc. Đến 10 giờ cùng ngày khi sang đến nhà T1, C nói với T1 ***“Chú cho bọn cháu đánh bài một tý”*** thì T1 đồng ý và dẫn lên tầng 2. Tại đây, chiếu cói đã trải sẵn dưới nền nhà, T1 đi lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài. M, S, C và Th ngồi xuống chiếu và thống nhất chơi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi Liêng. Cụ thể như sau: Mỗi người góp 50.000đồng để giữa chiếu, tổ thấp nhất 50.000đồng, cao nhất 200.000đồng. Ai được sấp, liêng đồng hoa thì bỏ ra cho T1 chủ nhà lần lượt số tiền 200.000đồng, 100.000đồng.

M, S, C và Th ngồi đánh bạc được một lúc thì mỗi người bỏ ra 50.000đồng, tổng số được 200.000đồng rồi đưa cho T1, T1 cầm số tiền 200.000đồng và ngồi xem đánh bạc. Trong quá trình chơi bạc, C được liêng đồng hoa nên tiếp tục đưa cho T1 100.000đồng, T1 cầm 100.000đồng và tiếp tục ngồi xem đánh bạc. Các con bạc đánh bạc đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M H phối hợp cùng Công an xã D Q bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: Thu tại chiếu bạc tổng số tiền 7.600.000đồng (gồm: Thu tại vị trí Th ngồi 2.000.000đồng, S ngồi 400.000đồng, C ngồi 1.400.000đồng, M ngồi 3.400.000đồng và thu giữa chiếu bạc số tiền 400.000đồng) 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cói đôi đã cũ. Quản lý tại túi quần phía trước bên phải trên người M số tiền 1.500.000đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu vàng; của C 01 điện thoại Samsung Galaxy M11, màu xanh; của S 01 điện thoại di động Iphone 5S màu hồng; của Th 01 điện thoại Iphone 6S màu hồng.

Sau khi bị bắt Nguyễn Văn T1 tự nguyện giao nộp số tiền 300.000đồng cho cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra xác định: Trong tổng số tiền 9.400.000đồng Cơ quan điều tra đã thu giữ nêu trên thì có 7.900.000đồng M, S, Th, C sử dụng vào việc đánh

bạc gồm: Th 1.900.000đồng; S 2.000.000đồng; C 2.000.000đồng; M 2.000.000 đồng. Còn 1.500.000đồng thu giữ trên người M; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu vàng thu của M; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu hồng thu của S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng thu của Th ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M11 màu xanh thu của C đều là tài sản của các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc. Cơ quan điều tra Công an thị xã M H đã trả lại 03 chiếc điện thoại trên cho M, S và Th. S và Th nhận tài sản không yêu cầu, đề nghị gì. M đề nghị được nhận lại số tiền 1.500.000đồng, C cũng đề nghị được nhận lại điện thoại.

Đối với 01 bộ tú lơ khơ 52 quân bài; 01 chiếc cối đôi đã cũ được xác định là của T1, được sử dụng vào việc đánh bạc.

Đối với anh Nguyễn Văn V, không biết các đối tượng rủ nhau chơi đánh bạc nên không có căn cứ xử lý. Đối với chị Đào Thị Hồng Th2, sinh năm 1980 ở thôn B B, xã D Q (là vợ của bị cáo T1), khi các bị cáo đánh bạc thì chị Th2 không có nhà, không biết việc các bị cáo đánh bạc nên không có căn cứ xử lý.

Quá trình điều tra, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên. M, S, Th và T1 đều có nhân thân tốt, hiện đang bị áp biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã D Q. C đã có 01 tiền sự (ngày 26/02/2021 bị UBND xã D Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc), hiện C đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã M H.

Quyết định truy tố số: 01/QĐ-VKSMH ngày 14/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thị xã M H truy tố các bị cáo: Nguyễn Văn T1; Nguyễn Văn M; Nguyễn Văn Th; Vũ Đình C và Nguyễn Văn S về tội “**Đánh bạc**” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã M H giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn T1; Nguyễn Văn M; Nguyễn Văn Th; Vũ Đình C và Nguyễn Văn S phạm tội “**Đánh bạc**”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 17; điều 58 đối với các bị cáo. (Áp dụng thêm: Khoản 1 điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo C; khoản 1,2, 5 điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo M; điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo S và Th; khoản 1,3 điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T1).

Xử phạt các bị cáo:

Vũ Đình C từ 07 tháng đến 09 tháng tù, thời gian tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 04/9/2021.

Nguyễn Văn M từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 06 tháng. Thời hạn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyễn Văn Th từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng

Nguyễn Văn S từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng

Nguyễn Văn T1 từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ, thời hạn kể từ ngày chính quyền địa phương nơi giao bị cáo về quản lý giáo dục nhận được quyết định thi hành án.

Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo là: 150.000/đồng/tháng (Tương ứng 15% lương) trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn M; Nguyễn Văn T1 cho chính quyền địa phương quản lý, giám sát trong thời gian thử thách và trong thời gian thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a,b khoản 1 điều 46; điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,b,c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 7.900.000đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc cối đôi đã cũ.

Trả lại bị cáo M số tiền 1.500.000đồng; trả lại bị cáo C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy M11 màu xanh bên trong nắp 01 sim.

Về án phí: Áp dụng điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận, nhất trí với nội dung bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M H. Các bị cáo đã nhận thức được hành vi cũng như việc làm của mình, tự nguyện thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1/ *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an thị xã M H và điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã M H và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2/ *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo tỏ ra ăn năn hối hận và thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền và lợi ích liên quan, những người làm chứng; Biên bản hiện trường cùng các vật chứng mà Cơ quan điều tra đã thu giữ. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 09 giờ ngày 04/9/2021, Vũ Đình C; Nguyễn Văn M; Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn Th đến nhà anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1998 ở thôn B B, xã D Q, thị xã M H, tỉnh H Y chơi. Trong khi ngồi uống nước, M rủ S, Th và C đánh bạc ăn tiền thì tất cả đồng ý. Sau đó, C bảo tất cả sang nhà Nguyễn Văn T1 ở cùng thôn để chơi đánh bạc. Tại đây, M, S, C và Th thống nhất chơi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi Liêng. Cụ thể như sau: Mỗi người góp 50.000đồng để giữa chiếu, tổ thấp nhất 50.000đồng, cao nhất 200.000 đồng. Ai được sấp, liêng đồng hoa thì bỏ ra cho T1 chủ nhà lần lượt số tiền 200.000đồng, 100.000đồng. Quá trình các bị cáo M, S, C và Th đánh bạc đã đưa cho T1 hai lần tiền với tổng số tiền là: 300.000đồng. Sau khi nhận số tiền từ các con bạc thì T1 tiếp tục ngồi xem đánh bạc. Các con bạc đánh bạc đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M H phối hợp cùng Công an xã D Q bắt quả tang. Vật chứng thu giữ: Thu tại chiếu bạc tổng số tiền 7.600.000đồng (gồm: Thu tại vị trí Th ngồi: 2.000.000đồng, S ngồi: 400.000đồng, C ngồi: 1.400.000 đồng, M ngồi: 3.400.000đồng và thu giữa chiếu bạc số tiền: 400.000đồng) 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cói đôi đã cũ. Quản lý tại túi quần phía trước bên phải trên người M số tiền 1.500.000đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu vàng; của C 01 điện thoại Samsung Galaxy M11, màu xanh; của S 01 điện thoại di động Iphone 5S màu hồng; của Th 01 điện thoại Iphone 6S màu hồng. Hành vi phạm tội của bị cáo được quy định tại khoản 1 điều 321 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân Thị xã M H truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo vi phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an địa phương, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình và là nguyên nhân nảy sinh các loại tội phạm khác. Do vậy cần phải có mức hình phạt nhất định tương xứng với vai trò, vị trí của từng bị cáo, mức độ nghiêm trọng do hành vi của các bị cáo gây ra mới đủ răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

3/Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và hướng xử lý đối với bị cáo:.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối hận và thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo M, Th, S và T1 đều có nhân thân tốt, quá trình sinh sống tại địa phương chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như mọi qui định của địa phương đề ra. Bị cáo C có hoàn cảnh khó khăn, mẹ già yếu do bị cáo trực tiếp chăm sóc, bị cáo có ông ngoại được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba; Bị cáo M có ông nội được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo Th có ông nội được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm mà các bị cáo được hưởng quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong vụ án có đồng phạm tham gia, do vậy khi cân nhắc hình phạt đối với các bị cáo, hội đồng xét xử cần xem xét đến vai trò, vị trí của từng bị cáo, đặc điểm nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng và mức độ nghiêm trọng do hành vi phạm tội của các bị cáo để ra một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo và có tính giáo dục, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo C: Trong vụ án bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm tích cực, khi bị cáo M rú đánh bạc thì bị cáo cũng đồng tình ngay và rú các bị cáo sang nhà bị cáo T1 để đánh bạc, tại nhà bị cáo T1 cũng chính bị cáo là người đặt vấn đề với bị cáo T1 xin được đánh bạc tại nhà T1. Mặc dù bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự nhưng số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc lớn. Mặt khác, bị cáo có nhân thân xấu, ngày 26/02/2021 bị cáo bị UBND xã D Q, thị xã M H xử phạt hành chính cũng về hành vi đánh bạc. Không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà khi M rú đánh bạc thì bị cáo lại đồng tình và tham gia nhiệt tình, thể hiện bị cáo rất coi thường pháp luật. Do vậy, khi cân nhắc hình phạt đối với bị cáo hội đồng xét xử thấy cần phải cách li bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Đối với bị cáo M: Trong vụ án bị cáo tham gia với vai trò tích cực nhất, bị cáo là người rú rê, lôi kéo các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc, số lượng tiền bị

cáo sử dụng vào việc đánh bạc có số lượng tương đương với các bị cáo khác nên bị cáo giữ vai trò cao nhất trong vụ án. Do vậy, khi cân nhắc hình phạt đối với bị cáo, hội đồng xét xử cần tuyên phạt bị cáo mức án cao hơn các bị cáo T1, S và Th. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cải tạo tại địa phương. Xét thấy không cần thiết phải cách li bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương nhưng phải có thời gian thử thách đối với bị cáo.

Đối với bị cáo T1: Bị cáo mặc dù không trực tiếp tham gia vào việc đánh bạc nhưng khi bị cáo C đặt vấn đề cho mượn địa điểm là nhà ở của mình để các đối tượng đánh bạc thì bị cáo cũng đồng tình ủng hộ ngay và trực tiếp đưa các bị cáo lên tầng hai nhà mình để các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc. Tuy nhiên khi cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình nhưng bị cáo không chủ động yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ đưa tiền cho mình mà các bị cáo tự nguyện và chủ động đưa tiền hồ cho bị cáo. Mặc dù bị cáo không trực tiếp tham gia vào việc đánh bạc nhưng bị cáo tạo điều kiện về địa điểm và phương tiện cho các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc đồng thời cũng được hưởng lợi từ việc cho các bị cáo khác đánh bạc nên bị cáo đồng phạm với các bị cáo khác về tội đánh bạc. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng và hiện tại bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có công việc và thu nhập ổn định nên hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách li bị cáo khỏi đời sống xã hội mà phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ và khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo cũng đủ răn đe giáo dục đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Th và S : Các bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm tích cực, khi được M rủ đánh bạc các bị cáo đồng tình ủng hộ ngay. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng và có điều kiện kinh tế. Các bị cáo đều không phải là đối tượng hình sự nguy hiểm, hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm trật tự công cộng nên xét thấy không cần thiết phải cách li bị cáo khỏi đời sống xã hội mà tuyên hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

4/ *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo C; M có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có công việc, không có tài sản riêng. Vì vậy HĐXX xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Các bị cáo Th, S đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, bị cáo T1 đã áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

5/ Về vật chứng:

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc chiếu cói đôi đã cũ là vật chứng các bị cáo sử dụng làm công cụ phương tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 7.900.000đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 1.500.000đồng thu của bị cáo M, đây là số tiền của cá nhân bị cáo, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội. Bị cáo có đề nghị xin nhận lại để sử dụng cần trả lại cho bị cáo.

Đối 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy M11 nắp 01 sim thu của bị cáo C. Bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, bị cáo có đề nghị xin nhận lại cần trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 điều 17; điều 58 Bộ luật hình sự (áp dụng khoản 1 điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo C; áp dụng khoản 1,2,5 điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo M; Áp dụng điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo S và Th ; áp dụng khoản 1,3 điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T1).

1. Tuyên bố các bị cáo: Vũ Đình C; Nguyễn Văn M; Nguyễn Văn S; Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn T1 phạm tội “**Đánh bạc**”

2. Xử phạt các bị cáo:

- Vũ Đình C 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam 04/9/2021.

- Nguyễn Văn M 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã D Q, thị xã M H, tỉnh H Y quản lý, giám sát trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Xử lý vi phạm đối với người được hưởng án treo: Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo đã bị kiểm điểm theo qui định tại điều 91 của Luật thi hành án hình sự nhưng sau khi kiểm điểm vẫn tiếp tục vi phạm và đã được nhắc nhở bằng văn bản mà vẫn cố ý vi phạm thì Công an cấp xã, phường, thị trấn đề xuất UBND cấp xã, phường, thị trấn báo cáo, đề nghị cơ quan thi hành án hình sự

Công an cấp huyện, thị xã, thành phố tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo qui định tại khoản 3 điều 92 Luật thi hành án hình sự số: 41/2019/QH14 ngày 14/6/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2020.

-Nguyễn Văn T1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian kể từ ngày chính quyền địa phương nơi giao bị cáo về quản lý, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo là: 150.000/đồng/tháng (Tương ứng 15% lương) trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho UBND xã D Q nơi bị cáo làm việc quản lý, giám sát trong thời gian thi hành án cải tạo không giam giữ.

- Nguyễn Văn Th; Nguyễn Văn S mỗi bị cáo số tiền 25.000.000đồng (*hai mươi lăm triệu đồng chẵn*).

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 46; điểm a,c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,b,c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc chiếu cói đôi đã cũ.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 7.900.000đồng (*bảy triệu chín trăm nghìn đồng chẵn*).

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn M số tiền 1.500.000đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*); trả lại bị cáo Vũ Đình C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy M11 màu xanh lấp 01 sim.

(Có đặc điểm như quyết định chuyển vật chứng)

5. Về án phí: Áp dụng điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí sơ thẩm hình sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền và lợi ích liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- *Tòa án tỉnh*
- *VKS Thị xã + VKSND tỉnh H Y;*
- *Công an + Chi cục THADS thị xã;*
- *Người tham gia tố tụng.*
- *Lưu*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Lâm